

Bản án số: **74/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 18/9/2024  
*V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

\* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

\* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**

2. Ông **Phạm Ngọc Thanh**

\* Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1987

Địa chỉ: B, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đ2.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Trân A1**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 9A, xã T, huyện A, tỉnh K.

*(Chị D có đơn xin vắng mặt; anh Trân A1 vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* ***Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:***

Chị và anh Lê Trân A1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013 tại UBND xã T, huyện A, tỉnh K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, khi mang bầu thì anh Trân A1 đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay và để một mình chị sinh con, tự chăm sóc con từ đó cho đến nay. Chị và anh

Trân A1 đã ly thân từ khi chị mang thai tháng 3 năm 2013 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan điểm sống không đồng nhất, chồng không tương trợ giúp đỡ vợ trong cuộc sống, chối bỏ trách nhiệm, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng không thể khắc phục và kéo dài thêm. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người và ổn định làm ăn. Nay chị yêu cầu được ly hôn nhân với anh Lê Trân A1. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 người con chung tên Lê Thị Phú Q, sinh ngày 08/12/2013, khi ly hôn chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Lê Trân A1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị D: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Anh Trân A1: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D được ly hôn với anh Trân A1. Về con chung: theo chị D có 01 con chung là Lê Thị Phú Q, sinh ngày 08/12/2013, hiện do chị D nuôi dưỡng. Anh Trân A1 không có ý kiến gì về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết do chị D không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: chị D xác định không có. Phía anh Trân A1 không có ý kiến gì về tài sản chung cũng như nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Trân A1 có hộ khẩu thường trú ở Ấp 9A, xã T, huyện A, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị D có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Lê Trần A1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh Trần A1 trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị D và anh Trần A1 là hợp pháp, được UBND xã T, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013 cấp ngày 04/01/2013.

Theo chị D sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, khi mang bầu thì anh Trần A1 đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay và để một mình chị sinh con, tự chăm sóc con từ đó cho đến nay. Chị và anh Trần A1 đã ly thân từ khi chị mang thai tháng 3 năm 2013 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan điểm sống không đồng nhất, chồng không tương trợ giúp đỡ vợ trong cuộc sống, chối bỏ trách nhiệm, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng không thể khắc phục và kéo dài thêm. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người và ổn định làm ăn, nay chị yêu cầu được ly hôn nhân với anh Lê Trần A1.

Anh Trần A1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị D đưa ra. Mặc dù, lời trình bày của chị D là đơn phương nhưng anh Trần A1 không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày này. Hơn nữa, anh Trần A1 không tham dự các phiên hòa giải của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ anh Trần A1 không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với chị D. Đồng thời anh, chị đã có thời gian ly thân khá lâu nhưng vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh Trần A1 không thể tiếp tục kéo dài, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D xác định giữa chị và anh Trần A1 có 01 con chung là Lê Thị Phú Q, sinh ngày 08/12/2013, hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị và anh Trần A1 ly thân cho đến nay do chị D nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh Trần A1 không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy để bảo đảm quyền lợi của con chung cần tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trần A1 không có ý kiến tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;  
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Lê Trần A1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Lê Thị Phú Q, sinh ngày 08/12/2013 cho chị Lê Thị D nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0004980 ngày 24/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị D đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Lê Thị D, anh Lê Trần A1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kim Ngọc Giàu**



